

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th; sinh năm: 1985; địa chỉ: thôn 4, xã Tr, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn T; sinh năm: 1983; địa chỉ: thôn 4, xã Tr, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị Th và anh Phan Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh chị thừa nhận có hai con chung là Phan Văn T1, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2005 và Phan Văn Trung H, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2013; anh chị thoả thuận giao cháu T1 cho anh T, còn cháu H cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai phải đóng góp phí tổn nuôi con cho nhau; hai bên có quyền qua lại thăm con không ai có quyền ngăn cản; khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi nuôi con.

* Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận phân chia theo Biên bản tự phân chia tài sản ngày 30 tháng 8 năm 2018 và yêu cầu Toà án ghi vào phần Quyết định, cụ thể như sau:

- Anh Phan Văn T được hưởng quyền và chịu nghĩa vụ như sau:

- Được hưởng:

+ 400.000.000đồng tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà và đất từ chị Th;

+ Một ti vi;

+ Một bộ loa máy;

- Có nghĩa vụ trả nợ cho:

+ Bà nội: 35.000.000đồng;

+ Tiền gỗ làm nhà: 20.000.000đồng;

+ Nước sạch: 12.000.000đồng;

+ Gạch bờ lóc của anh Tứ: 5.000.000đồng;

+ Anh, chị S - L: 6.500.000đồng;

+ Anh Th: 13.000.000đồng;

+ Anh, chị T - B: 13.000.000đồng;

+ Anh, chị H - Ng: 7.000.000đồng;

+ Anh, chị Qu - B: 3.500.000đồng.

Tổng cộng: 115.000.000đồng.

- Chị Nguyễn Thị Th được hưởng quyền và chịu nghĩa vụ như sau:

- Được hưởng:

+ Sở hữu một ngôi nhà cấp IV xây dựng trên thửa đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL 098334, thửa đất số: 1427, tờ bản đồ số: 05, diện tích 154m² mang tên Phan Văn T và Nguyễn Thị Th; được UBND huyện Bồ Trách cấp ngày 29 tháng 6 năm 2012 và được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số: BL 098334, thửa đất số: 1427, tờ bản đồ số: 05, diện tích 154m² mang tên Phan Văn T và Nguyễn Thị Th; tại: thôn 4, xã Tr, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ Một xe mô tô hiệu Novo;

+ Một bộ bàn ghế;

+ Một Máy giặt.

+ Một tủ lạnh.

- Có nghĩa vụ:

+ Đưa tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà và đất cho anh T với số tiền 400.000.000đồng;

+ Trả nợ cậu H: 10.000.000đồng;

+ Trả nợ anh H: 10.000.000đồng;

+ Trả nợ bà ngoại: 10.000.000đồng;

* Về án phí vụ kiện: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; công nhận sự thỏa thuận của hai

đương sự về án phí, chị Nguyễn Thị Th xin chịu 150.000đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai số 0002889 ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình; chị Nguyễn Thị Th được nhận lại 150.000đồng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- UBND xã Tr, huyện Bồ Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà án.

THẨM PHÁN

(ĐÀ KÝ)

Nguyễn Thị Loan